

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HS-ST

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Đón

Ông Đỗ Xuân Chúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2021/TLST - HS ngày 21 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn Q. Sinh năm: 1977. Tên gọi khác: Trần Thanh T; Trần Minh T. Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Họ và tên cha : Trần Văn N (Đã chết). Họ và tên mẹ: Lưu Thị X. Sinh năm 1940. Gia đình có 06 anh chị. Bị cáo là con thứ sáu. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Tr – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh H. (có mặt)

* Bị hại: UBND xã Y, huyện Y, tỉnh H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Th – Chủ tịch UBND xã Y. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Lê Xuân T1 – Trưởng Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H. (Có mặt)

2. Ông Trần Thanh V – Chủ từ Đền Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H. (Có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H.

* Người làm chứng:

1. Bà Bùi Thị T3, sinh năm: 1959;

2. Bà Trần Thị L, sinh năm: 1941;

3. Bà Trần Thị S, sinh năm: 1957;

4. Ông Trần Văn D, sinh năm: 1971;

5. Ông Trần Văn H1, sinh năm: 1966;

6. Ông Trần Văn Q1, sinh năm: 1970;

Đều địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H.

7. Ông Chu Thế C, sinh năm: 1944;

8. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1953;

9. Chị Trần Thị L, sinh năm: 1984;

Đều địa chỉ: Thôn 5, xã K, huyện Đ, tỉnh Đ.

10. Bà Đặng Thị Ph, sinh năm: 1944;

Địa chỉ: Số 46, A, P, quận B, H.

11. Bà Lê Thị H2, sinh năm: 1946;

12. Ông Nguyễn Đăng Đ, sinh năm: 1946;

13. Ông Nguyễn Quốc H3, sinh năm: 1971;

Đều địa chỉ: Thôn 8, xã K, huyện Đ, tỉnh Đ.

14. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Khối 1, xã K1, huyện Đ, tỉnh Đ.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng trong vụ án đều vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 30/01/2020, Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) sinh năm 1977 trú tại Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H đi bộ từ nhà ra Đền của thôn T thấy cửa cổng không khóa, không có người trông coi, lúc này Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong Đền. Q đi đến các cửa ra vào trong Đền thì thấy các cửa đều khóa không mở được, thấy vậy Q đi về nhà nghĩ cách để vào được bên trong Đền. Khoảng 20 -30 phút sau Q quay lại Đền tiếp tục kiểm tra xung quanh Đền thì phát hiện tại cửa sổ tường phía Đông của Đền có hai cánh cửa gỗ chỉ khép lại không móc khóa trong, Q dùng hai tay mở cửa sổ ra nhìn thấy bên trong Đền đèn

điện sáng, phía trước bên phải ban thờ trong Đền, cách cửa sổ khoảng 2 - 3m có kê một hòm công đức bằng khung nhôm kính, kích thước (60x30x40)cm bên trong có tiền, thấy vậy Q nảy sinh ý định lấy trộm số tiền trong hòm công đức của Đền. Q đi ra sân Đền bên khu vực đang đang dựng của Đền tìm thanh gỗ dài khoảng 2m, rộng 5cm và một đoạn sắt 6, Q dùng tay uốn đầu đoạn sắt thành móc cong, Q tìm quanh Đền không có dây buộc nên đã đi về nhà lấy đoạn dây chun ra buộc đoạn sắt vào đầu thanh gỗ, sau đó Q dùng hai tay cầm thanh gỗ có móc cong này luồn qua cửa sổ vào bên trong Đền, đoạn sắt cong móc vào chân hòm công đức và hai tay kéo gậy gỗ từ từ đưa hòm công đức ra gần cửa sổ, rồi Q bỏ thanh gỗ ra, dùng hai tay cầm vào chân hòm công đức nhấc lên đặt lên ghế nhựa để sát cửa sổ quay đáy hòm lên trên. Lúc này Q lấy thanh sắt tìm được ở sân Đền cạy đáy hòm ra và vơ hết số tiền trong hòm công đức để vào hai túi quần đang mặc. Sau khi lấy được hết số tiền trong hòm công đức thì Q dùng tay vứt đoạn kính của hòm và thanh gỗ có buộc móc sắt ban đầu đẩy hòm công đức vào vị trí ban đầu, rồi đóng cửa sổ lại. Q tháo dây chun buộc đoạn sắt với thanh gỗ ra vứt xung quanh Đền để không ai biết rồi đi về nhà mình, lúc này là khoảng 05 giờ cùng ngày, Q bỏ hết số tiền lấy được ở Đền để ra giường và sắp xếp các tờ tiền từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng cho vào ví giả da màu tím kích thước (12x8) của Q, còn các tờ tiền từ 1.000 đồng đến 20.000 đồng Q để vào túi xách màu đen và cất túi vào hộc loa hồng trong nhà. Do sợ bị phát hiện nên Q điều khiển xe mô tô biển số 29H1 - 2134 đi đến nhà bà Nguyễn Thị T4 sinh năm 1953 trú tại thôn 5, Thôn 5, xã K, huyện Đ, tỉnh Đ (là thím của Q) để trốn. Tại đây Q không nói cho bà T4 biết đã trộm cắp tiền của Đền T. Đến khoảng 07 giờ ngày 30/01/2020, ông Trần Thanh V sinh năm 1952 - người quản lý Đền ra mở cửa Đền thì phát hiện mất toàn bộ số tiền trong hòm công đức và có đơn trình báo Công an xã Y, huyện Y giải quyết.

Ngày 15/02/2020, Công an xã Y, huyện Y đã quản lý 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki biển số 29H1-2134, 01 giấy đăng ký xe mô tô của xe biển số 29H1 - 2134, 01 phiếu tặng nhót mang tên Trần Thanh T, 01 phiếu tiếp nhận xe số 015143 của Công ty TNHH và Dịch vụ TP tổng ố tiền 3.855.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động màu trắng hồng nhật nhãn hiệu Oppo A83, 01 chiếc ví màu tím kích thước (12x8)cm, 01 sợi dây chuyền bạc, 01 loa vi tính và số tiền 2.549.000 đồng do Trần Văn Q (Trần Thanh T) giao nộp.

Ngày 18/02/2020, Công an xã Y đã bàn giao toàn bộ hồ sơ, vật chứng vụ án đến Công an huyện Y để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 18/2/2020, Công an huyện Y khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) tại thôn T, xã Yên Hòa, huyện Yên Mỹ. Kết quả khám xét thu giữ số tiền 400.000 đồng trong túi giả da màu đen, kích thước (20x18x6)cm để ở hộc loa.

Ngày 19/02/2020, Công an huyện Y khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thanh T tại nhà bà Nguyễn Thị T4 ở thôn 5, Thôn 5, xã K, huyện Đ, tỉnh Đ. Kết quả khám xét không thu giữ gì.

Quá trình điều tra Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) khai: Mục đích lấy trộm tiền của Đền T để lấy tiền tiêu. Trên đường đi vào nhà bà T4 ở tỉnh Đ, Q đã sử dụng số tiền lấy trộm được chi tiêu ăn uống mỗi ngày hết 150.000 đồng, nghỉ đêm mỗi ngày 150.000 đồng, đồ xăng mỗi ngày hết 100.000 đồng, mua điện thoại di động và loa 2.600.000 đồng, mua dây chuyền bạc 1.100.000 đồng, sửa xe máy 3.855.000 đồng và chi tiêu một số khoản khác hàng ngày nhưng Q không nhớ. Khi bị Công an xã Y phát hiện thì Q còn lại số tiền 2.549.000

đồng. Số tiền 400.000 đồng thu giữ được tại nhà Q là tiền Q trộm cắp của Đền T. Sợi dây chuyền và chiếc điện thoại giao nộp là những tài sản Q có được từ số tiền trộm cắp tại Đền T. Chiếc xe mô tô biển số 29H1 - 2134 là của Q sử dụng để đi lại, sau khi lấy trộm tiền trong hòm công đức của Đền T, T đã dùng số tiền 3.855.000 đồng để sửa chiếc xe này.

Cơ quan điều tra Công an huyện Y lấy lời khai của ông Trần Thanh V, sinh năm 1953 - người được nhân dân thôn T cử trông coi tại Đền, ông Lê Xuân T1, sinh năm 1980 - Trưởng thôn T, xã Yên Hòa; bà Bùi Thị T3 sinh năm 1959 ở thôn T, xã Y (là thủ quỹ của Đền T) xác định số tiền công đức tại Đền T được ghi vào quyển sổ mà ông Võ đã giao nộp ngày 05/6/2020, tổng số tiền có trong hòm công đức là 20.500.000 đồng đã bị T lấy trộm.

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình Q đã bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 17.900.000 đồng cho Đền T. Ông Trần Thanh V và ông Lê Xuân T1 đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì đối chiếc hòm công đức bị hỏng.

Đối với số tiền 2.949.000 thu giữ được của Q, quá trình điều tra xác định là tiền do Q trộm cắp của Đền T, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã trả lại cho Đền T theo Quyết định xử lý vật chứng số 23 ngày 18/4/2020. Ông Trần Thanh V đã nhận đủ số tiền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã thu thập tài liệu thể hiện bị cáo Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) đã từng điều trị bệnh tâm thần phân liệt, được trợ cấp thuốc hàng tháng tại Trạm y tế xã Y, huyện Y nên đã quyết định trưng cầu giám định tình trạng tâm thần của bị can. Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 282/KLGD ngày 04/8/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Bộ y tế kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và thời điểm giám định Trần Thanh T có bệnh rối loạn loại phân liệt bệnh ở giai đoạn thuyên giảm. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F21. Tại các thời điểm trên đối tượng hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Cáo trạng số 05/CT -VKS - YM ngày 20 tháng 01 năm 2021, của VKSND huyện Yên Mỹ truy tố bị cáo Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, bị cáo xác định sau khi phạm tội bị cáo có tác động báo gia đình bồi thường Đền T. Chiếc xe máy và chiếc điện thoại là của bị cáo không liên quan gì đến việc phạm tội nên đề nghị xin lại số tài sản này. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Q đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, q, s khoản 1 Điều 51, khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 92 Luật thi hành án hình sự; xử phạt bị cáo từ 9 tháng tù đến 01 năm tù nhưng

cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Ngoài ra đại diện VKSND huyện Y còn có quan điểm về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của đại diện bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 04 giờ ngày 30/01/2020 tại Đền Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H, Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 20.500.000 đồng trong hòm công đức của Đền T.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Đền Thái Hòa là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi bị cáo vẫn thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá 20.500.000 đồng, nên VKSND huyện Y truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại đến quan hệ sở hữu tài sản được Luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là cần thiết.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã cùng gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, được đại diện theo ủy quyền của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, q và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và có nơi trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định một thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: xét thấy hiện bị cáo không có nghề nghiệp, lại đang bị bệnh và được hưởng trợ cấp xã hội nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đền T đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki sơn màu xanh – đen – trắng – đỏ, biển kiểm soát 29H1- 2134, 01 chiếc ví màu tím có kích thước (12x8)cm, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A83 màu trắng – hồng; 01 dây chuyền kim loại màu bạc; 01 loa vi tính nhãn hiệu KC-V10 mặc dù bị cáo đã dùng số tiền trộm cắp để sửa xe và mua những tài sản trên, tuy nhiên bị cáo và gia đình đã bồi thường trả cho bị hại toàn bộ số tiền đã trộm cắp, nên số tài sản này là của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo xin được nhận lại do vậy cần trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1,2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm .

Giao bị cáo Q cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh H, nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự .

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản trộm cắp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki sơn màu xanh – đen – trắng – đỏ, biển kiểm soát 29H1- 2134, 01 chiếc ví màu tím có kích thước (12x8)cm, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A83 màu trắng – hồng; 01 dây chuyền kim loại màu bạc; 01 loa vi tính nhãn hiệu KC-V10.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y lập ngày 26/01/2021.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn Q (tức Trần Thanh T và Trần Minh T) phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA dân sự huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Nhiên